

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

Nội dung đánh giá		Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
1.	Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa	45		35
	Thang điểm chi tiết xem Mẫu số 00 đính kèm			
* Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh như catalogue/brochure/surgical technique/xác nhận của nhà sản xuất... của sản phẩm dự thầu (bản dịch thuật của các cơ quan/tổ chức có chức năng và bản gốc tiếng Anh để đối chiếu).				
2	Tính hợp lệ của hàng hóa	30		26
a.	Có tài liệu nêu rõ (đối với từng loại hàng hóa):	4		4
	Bảng giá dự thầu thể hiện đầy đủ các thông tin sau: mã hiệu, nhãn hiệu, tên nhà sản xuất, xuất xứ.		4	
	Bảng giá dự thầu không thể hiện đầy đủ các thông tin sau: mã hiệu, nhãn hiệu, tên nhà sản xuất, xuất xứ.		0	
b	Xuất xứ hàng hóa	5		5
	Hàng hóa có xuất xứ đáp ứng yêu cầu		5	
	Hàng hóa không đáp ứng xuất xứ yêu cầu		0	
c	Giấy chứng nhận lưu hành hàng hóa	5		5
	Hàng hóa có tài liệu chứng minh được lưu hành hợp pháp tại Việt Nam		5	
	Hàng hóa không có tài liệu chứng minh được lưu hành hợp pháp tại Việt Nam		0	
d	Tiêu chuẩn kỹ thuật	8		6
	Hàng hóa có Chứng nhận hợp chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu và Nhà sản xuất hàng hóa có giấy chứng nhận đạt Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu		8	
	Nhà sản xuất hàng hóa có giấy chứng		6	

Nội dung đánh giá		Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	nhận đạt Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu			
	Không có một trong các giấy tờ trên		0	
e	Tiêu chuẩn chất lượng	8		6
	Thiết bị y tế có tối thiểu 01 tổ chức, nước hoặc vùng lãnh thổ cho phép lưu hành tại nước hoặc vùng lãnh thổ trong danh mục quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2025/TT-BYT ngày 31/12/2025 hoặc hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam		8	
	Thiết bị y tế có tối thiểu 01 tổ chức, nước hoặc vùng lãnh thổ cho phép lưu hành tại nước hoặc vùng lãnh thổ ngoài danh mục quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2025/TT-BYT ngày 31/12/2025.		6	
	Thiết bị y tế có xuất xứ ngoại nhập nhưng chưa được tổ chức, nước hoặc vùng lãnh thổ cho phép lưu hành		0	
3	Tiến độ cung cấp hàng hóa	4		3
	Cung cấp hàng hóa trong vòng 12 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của bệnh viện		4	
	Cung cấp hàng hóa trong vòng > 12 giờ - 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của bệnh viện		3	
	Cung cấp hàng hóa > 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của bệnh viện		0	
4	Hạn sử dụng còn lại tính từ thời điểm cung ứng cho cơ sở y tế	5		3
	Cam kết đảm bảo tối thiểu hạn dùng > 24 tháng kể từ ngày giao hàng.		5	
	Cam kết đảm bảo tối thiểu hạn dùng từ 12		3	

Nội dung đánh giá		Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	tháng đến 24 tháng kể từ ngày giao hàng.			
	Cam kết đảm bảo tối thiểu hạn dùng < 12 tháng kể từ ngày giao hàng .		0	
5	Cam kết:	4		4
	<p>Nhà thầu có cam kết và đáp ứng đầy đủ các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hàng hóa mới 100%, sản xuất năm 2026 trở về sau. + Cam kết thu hồi hàng hóa bị lỗi do nhà sản xuất hoặc bị lỗi do quá trình vận chuyển đến kho của Bệnh viện hoặc trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu. + Sẵn sàng thay thế hàng hóa khi hết hạn sử dụng và thực hiện thay thế lô sản phẩm khi không đảm bảo sử dụng do lỗi kỹ thuật. + Cung cấp Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu (đối với các hàng hóa nhập khẩu). + Cam kết hàng hóa cung cấp có đầy đủ giấy tờ theo quy định tại Điều 22 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. + Cam kết thực hiện kê khai giá, niêm yết giá theo quy định tại Điều 44, Điều 45 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP. 		4	
	Không có cam kết hoặc cam kết không đầy đủ nội dung theo yêu cầu.		0	
6	Thời gian hàng hóa đã được sử dụng tại các bệnh viện/cơ sở y tế	4		3
	Hàng hóa đã được sử dụng tại các bệnh viện/cơ sở y tế từ 03 năm trở lên (tính từ thời điểm đóng thầu)		4	
	Hàng hóa đã được sử dụng tại các bệnh viện/cơ sở y tế dưới 03 năm (tính từ thời		3	

Nội dung đánh giá		Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	điểm đóng thầu)			
<i>* Nhà thầu cung cấp bản sao hóa đơn cung cấp hàng hóa để chứng minh.</i>				
7	Giấy phép bán hàng	4		3
	Có giấy phép bán hàng theo quy định tại E-CDNT 16.2		4	
	Cam kết cung cấp giấy phép bán hàng theo quy định tại E-CDNT 16.2 trong quá trình đối chiếu tài liệu		3	
	Không có giấy phép bán hàng hoặc không cam kết cung cấp		0	
8	Mặt hàng được cung ứng bởi nhà thầu có uy tín trong thực hiện hợp đồng	4		3
	1. Nhà thầu đã trúng thầu tại Bệnh viện Đa khoa Tân Bình (tên cũ: Bệnh viện quận Tân Bình):			
	a. Cung ứng hàng hóa bảo đảm theo đúng thỏa thuận hợp đồng		4	
	b. Có biên bản ghi nhận vi phạm trong cung ứng hàng hóa theo hợp đồng trong thời hạn 5 năm kể từ thời điểm đóng thầu.		3	
	2. Nhà thầu chưa trúng thầu tại đơn vị		3	
	Tổng cộng	100		80

E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

MẪU SỐ 00: THANG ĐIỂM ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Điểm chi tiết
A	B	C	D
1	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, đơn tiêu loại 1	1. Chất liệu: Acrylic Hydrophobic; 2. Màu sắc: Màu vàng, lọc ánh sáng xanh; 3. Đường kính Optic $\geq 6\text{mm}$, chiều dài tổng thể $\geq 13\text{mm}$; 4. Thiết kế còng: còng chữ C hoặc L;	8 tiêu chí, mỗi tiêu chí 5,625 điểm

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Điểm chi tiết
		5. Thiết kế optic: phi cầu; 6. Dải công suất: đảm bảo cung cấp được đủ dải công suất (P) từ +0 D đến +34 D; 7. Chỉ số khúc xạ: $n \geq 1.46$; 8. Kích thước vết mổ $\leq 2.4\text{mm}$; Thủy tinh thể kèm theo dụng cụ đặt kính.	
2	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, đơn tiêu loại 2	1. Chất liệu Acrylic không ngấm nước. 2. Đường kính Optic $\geq 6\text{mm}$; chiều dài tổng $\geq 13\text{mm}$; 3. Thiết kế càng: càng chữ C hoặc L, góc càng 0 độ; 4. Thiết kế Optic: Thấu kính phi cầu điều chỉnh cầu sai về gần zero; bờ sau vuông 360 độ liên tục, 5. Thiết kế 3 điểm cố định túi bao; kéo dài tiêu cự, tăng cường thêm tầm nhìn trung gian; 6. Dải công suất: từ +5.0D đến +34.0D; 7. Chỉ số khúc xạ ≥ 1.46 ; 8. Kích thước vết mổ $\leq 2.4\text{mm}$; Thủy tinh thể không lắp sẵn đóng gói riêng kèm Cartridge sử dụng 1 lần sử dụng trên dụng cụ đặt kính Injector kiểu xoay.	8 tiêu chí, mỗi tiêu chí 5,625 điểm
3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, đơn tiêu loại 3	1. Chất liệu: Acrylic Hydrophobic; 2. Màu sắc: màu vàng, lọc ánh sáng xanh, tia UV; 3. Đường kính optic từ 5mm đến 6mm; Chiều dài tổng thể từ 10mm đến 11mm; 4. Thiết kế càng: 4 càng; 5. Thiết kế optic: Phi cầu; 6. Dải công suất: từ -10 D đến + 30.0 D; 7. Chỉ số khúc xạ $n \geq 1.46$; 8. Kích thước vết mổ $\leq 2.4\text{mm}$; Thủy tinh thể kèm theo dụng cụ đặt kính.	8 tiêu chí, mỗi tiêu chí 5,625 điểm
4	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, đơn tiêu loại 4	1. Chất liệu: Acrylic ngấm nước kết hợp với bề mặt không ngấm nước; 2. Đường kính optic: $\geq 6\text{mm}$, Chiều dài tổng từ $\geq 13.0\text{mm}$; 3. Thiết kế càng: Càng chữ C hoặc L;	8 tiêu chí, mỗi tiêu chí 5,625 điểm

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Điểm chi tiết
		4. Thiết kế optic: Phi cầu; 5. Dải công suất: - 20 D -->+ 45D 6. Chỉ số khúc xạ : ≥ 1.46 ; 7. Kích thước vết mổ $\leq 2.4\text{mm}$; 8. Thủy tinh thể kèm theo Injector + Cartridge sử dụng 1 lần.	
5	Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, đơn tiêu, loại 5.	1. Chất liệu Acrylic ngậm nước kết hợp với bề mặt kỵ nước. 2. Đường kính optic: $\geq 6.0\text{mm}$, tổng chiều dài kính $\geq 11\text{mm}$ 3. Kính (optic) và càng (haptic) thiết kế gờ vuông, bờ vuông mặt sau 360 độ liên tục. 4. Thiết kế càng: 4 càng hoặc dạng phiên hoặc dạng đĩa 5. Kính (optic): cầu sai trung tính, phi cầu mặt sau. 6. Dải công suất: $\pm 0.0\text{D}$ tới $+35.0\text{D}$. 7. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.46 8. Kích thước vết mổ: $\leq 2.8\text{mm}$. Kèm dụng cụ đặt kính.	8 tiêu chí, mỗi tiêu chí 5,625 điểm
6	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 3 mảnh	1. Chất liệu Acrylic không ngậm nước, Lọc tia UV 2. Bờ trước tròn chống chói, bờ sau vuông 360 độ 3. Thiết kế càng chữ C hoặc L 4. Đường kính Optic $\geq 6\text{mm}$, chiều dài tổng $\geq 12.5\text{mm}$ 5. Dải Diop : từ $+10.0\text{D}$ đến $+30.0\text{D}$. 6. Chỉ số khúc xạ: $n \geq 1.46$. 7. Kích thước vết mổ $\leq 3.0\text{mm}$. 8. Thủy tinh thể không lắp sẵn đóng gói riêng kèm Cartridge sử dụng 1 lần sử dụng trên dụng cụ đặt kính Injector kiểu xoay.	8 tiêu chí, mỗi tiêu chí 5,625 điểm
7	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu, 1 mảnh loại 1	1. Chất liệu: hợp chất Acrylic (Acrylates) với bề mặt kỵ nước, lọc tia cực tím (UV); 2. Đường kính optic: $\geq 6.0\text{mm}$; Chiều dài: 11.0mm đến 11.5mm ;	8 tiêu chí, mỗi tiêu chí 5,625 điểm

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Điểm chi tiết
		<p>3. Thiết kế càng: Một mảnh, mềm dạng phiến (Plate design); khúc xạ toàn phần không đối xứng; Góc càng 0 độ</p> <p>4. Thiết kế optic: Kính công suất (+) 2 mặt lõm; Kính công suất (-) một mặt lõm, một mặt lồi;</p> <p>5. Phi cầu mặt sau. Vùng nhìn gần hình quạt mặt trước: +1.5D;</p> <p>6. Dải công suất: -10.0D tới -1.0D (1.0D) ± 0.0 D tới +36.0D (0.5D);</p> <p>7. Chỉ số khúc xạ: $\geq 1,46$;</p> <p>8. Kích thước vết mổ: $\leq 2.4\text{mm}$; Kèm dụng cụ đặt kính.</p>	
8	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu, 1 mảnh loại 2	<p>1. Chất liệu: Hợp chất Acrylic (Acrylates) với bề mặt kỵ nước;</p> <p>2. Đường kính optic: \geq Từ 6.0mm. Chiều dài: từ 11mm đến 11.5mm;</p> <p>3. Thiết kế càng: Một mảnh, mềm dạng phiến; khúc xạ toàn phần không đối xứng;</p> <p>4. Thiết kế optic: Kính công suất (+) 2 mặt lõm; Kính công suất (-) một mặt lõm, một mặt lồi; Tăng cường thêm vùng nhìn gần, vùng nhìn gần hình quạt mặt trước: +3.0D;</p> <p>5. Mặt kính: Phi cầu mặt sau. Phù hợp với đồng tử nhỏ;</p> <p>6. Dải công suất: -10.0D tới -1.0D (1.0D). ± 0.0 D tới + 36.0D (0.5D)</p> <p>7. Chỉ số khúc xạ $n \geq 1.46$;</p> <p>8. Kích thước vết mổ: $\leq 2.4\text{mm}$; Kèm dụng cụ đặt kính.</p>	8 tiêu chí, mỗi tiêu chí 5,625 điểm
9	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu, 1 mảnh loại 3	<p>1. Chất liệu: Acrylic kỵ nước;</p> <p>2. Đường kính optic: $\geq 6.00\text{mm}$; Đường kính tổng: $\geq 13\text{mm}$;</p> <p>3. Thiết kế càng: Càng Chữ C hay L;</p> <p>4. Góc càng: 0 độ;</p> <p>5. Thiết kế optic: phi cầu, thiết kế 3 điểm cố định túi bao; kết hợp công nghệ kéo dài tiêu cự (EDOF) Bờ sau vuông 360 độ</p> <p>6. Dải công suất: từ + 5D đến + 34D;</p>	8 tiêu chí, mỗi tiêu chí 5,625 điểm

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Điểm chi tiết
		7. Chỉ số khúc xạ $n \geq 1.46$. 8. Đường kính vết mổ $\leq 2.4\text{mm}$; Kèm dụng cụ đặt kính.	
10	Dao mổ mắt 15 độ	1. Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, phủ Silicon, mài theo công nghệ mài ngang. 2. Dao thẳng lưỡi dao có các kích cỡ 15 độ. 3. Có hộp nhựa bảo vệ.	03 tiêu chí, mỗi tiêu chí 15 điểm
11	Dao tạo đường hầm 2.4mm	1. Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, phủ silicon. 2. Kích thước lưỡi dao ngang: 2.4mm, hai mặt vát, gập góc 45 độ 3. Tay cầm bằng nhựa. Có hộp nhựa bảo vệ.	03 tiêu chí, mỗi tiêu chí 15 điểm
12	Dao tạo đường hầm 3.0mm	1. Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, phủ silicon. 2. Kích thước lưỡi dao ngang: 3.0mm, hai mặt vát, gập góc 45 độ; 3. Tay cầm bằng nhựa. Có hộp nhựa bảo vệ.	03 tiêu chí, mỗi tiêu chí 15 điểm
13	Cassette dùng cho máy Phaco Centurion Vision System (Active Sentry)- Alcon	Cassette centurion chủ động (8065752201) hoặc tương đương	01 tiêu chí, mỗi tiêu chí 45 điểm
14	Cassette dùng cho máy Phaco Laureate - Alcon	Ultrasound Cassette cho máy Phaco Laureate	01 tiêu chí, mỗi tiêu chí 45 điểm
15	Chất nhầy	Chất nhầy phẫu thuật phaco, loại DUOVISC hoặc Chất nhầy phẫu thuật Healon Pro 0.55ml 1. Chất nhầy phẫu thuật nội nhãn, thành phần Hyaluronate Sodium 1% (10mg/ml), 2. ống 0,55 ml, 3. trọng lượng phân tử trung bình 3.2 triệu Dalton, 4. độ nhầy 150.000 mPas; 5. độ thẩm thấu 200-400 mosmol / kg 6. độ pH 6,8-7,6.	06 tiêu chí, mỗi tiêu chí 7,5 điểm

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Điểm chi tiết
16	Dung dịch BSS	Dung dịch BSS 500ml	01 tiêu chí, mỗi tiêu chí 45 điểm
17	Chất nhuộm bao	Chất nhuộm bao dùng trong phẫu thuật phaco: Trypan Blue 0.6mg/ml	01 tiêu chí, mỗi tiêu chí 45 điểm